

Hành vi sử dụng tài chính cá nhân trong bối cảnh COVID-19: Nghiên cứu thực địa tại Việt Nam

Trịnh Hoàng Sơn

Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh

TÓM TẮT

Bài viết nhằm đánh giá các nhân tố tác động đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân của người Việt trong đại dịch COVID-19. Tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu: kiểm định Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích tương quan Pearson và mô hình hồi quy tuyến tính. Các phát hiện chính là: mức độ tác động của các nhân tố đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân tại Việt Nam được xếp hạng từ mạnh nhất đến yếu nhất là: (i) đại dịch COVID-19; (ii) thói quen tài chính từ bố mẹ; (iii) giáo dục tài chính từ bố mẹ; (iv) sức khỏe tài chính. Đặc biệt, thay vì kế thừa hoàn toàn nhân tố xã hội hóa, nghiên cứu đã phát triển thành hai nhân tố là giáo dục tài chính từ bố mẹ, thói quen tài chính từ bố mẹ. Từ đó, bài viết đưa ra một số đề xuất giúp nâng cao năng lực tài chính cá nhân tại Việt Nam. Số liệu thu thập và được xử lý bằng phần mềm SPSS 22, với việc kết hợp giữa phương pháp định tính và định lượng, tác giả đã thu được một số kết quả khả quan như: các thang đo sử dụng cho nghiên cứu đều đạt yêu cầu, mô hình lý thuyết xây dựng phù hợp được thể hiện rõ qua việc xây dựng mô hình hồi quy tuyến tính thành công, các yếu tố độc lập có mức ảnh hưởng cùng chiều với yếu tố hành vi sử dụng tài chính.

Từ khóa: đại dịch COVID-19, hành vi sử dụng tài chính, thói quen tài chính

1. GIỚI THIỆU

Hành vi sử dụng tài chính đóng một vai trò rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính của các cá nhân, bởi lẽ hành vi sử dụng tài chính không tốt hoặc kiến thức về sử dụng tài chính còn thấp dẫn đến những hệ lụy khôn lường như: vỡ nợ tín dụng cá nhân. Đặc biệt, hiện nay, khi đại dịch COVID-19 còn tiếp diễn, kỹ năng sử dụng tài chính cá nhân càng cần được nâng cao. Tuy nhiên, trên thực tế tại nước ta, tỷ lệ người trưởng thành có hiểu biết về cách sử dụng tài chính chỉ ở mức khá thấp 24% [1]. Bên cạnh đó, chưa có nhiều nghiên cứu đề cập đến vấn đề này một cách toàn diện nhất, đa số các tác giả thường chỉ quan tâm đến các nhân tố trong hành vi sử dụng tài chính như: kiến thức tài chính, hay quản lý chi tiêu, tiết kiệm.

Mục tiêu nghiên cứu: việc nghiên cứu bài báo này nhằm vào các mục đích sau: (1) Nhận dạng hành vi sử dụng tài chính cá nhân trong bối cảnh COVID-19; (2) Đánh giá hành vi sử dụng tài chính cá nhân trong bối cảnh COVID-19 và (3) Đề xuất giải pháp giúp khách hàng có hành vi sử dụng tài chính cá nhân trong bối cảnh COVID-19 tại Việt Nam.

Đối tượng nghiên cứu: hành vi sử dụng tài chính cá nhân trong bối cảnh COVID-19.

Phạm vi nghiên cứu: nghiên cứu thực địa tại Việt Nam.

Do vậy, nghiên cứu về “Hành vi sử dụng tài chính cá nhân trong bối cảnh COVID-19: Nghiên cứu thực địa tại Việt Nam” là thực sự cần thiết.

Tác giả liên hệ: ThS. Trịnh Hoàng Sơn
Email: trịnhhoangson0304@gmail.com

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Hành vi sử dụng tài chính cá nhân

Hành vi sử dụng tài chính được định nghĩa là việc phát triển kỹ năng lập kế hoạch tài chính, tự chủ về tiền bạc. Kế thừa quan điểm của Xiao và cộng sự [2], bài báo đã đưa ra quan điểm về hành vi sử dụng tài chính cá nhân liên quan đến việc quản lý dòng tiền, lên kế hoạch đầu tư, tiết kiệm và tín dụng.

Tài chính cá nhân là một khái niệm tương đối phổ biến tại các nước có nền kinh tế phát triển. Tuy nhiên, đây lại là một khái niệm còn mới tại các nước đang phát triển. Hành vi sử dụng tài chính cá nhân có ý nghĩa rất lớn khi toàn thế giới đang phải đối mặt với đại dịch COVID-19, đời sống của mỗi công dân bị ảnh hưởng ở nhiều cấp độ khác nhau tại các quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có Việt Nam [3].

2.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi sử dụng tài chính cá nhân

Kiến thức tài chính: là khả năng đưa ra các quyết định sáng suốt liên quan đến việc sử dụng, quản lý tiền bạc [1]. Nghiên cứu Woodyard [3] chỉ ra sự ảnh hưởng tích cực của kiến thức tài chính đối với hành vi tài chính, cá nhân có kiến thức tài chính càng sâu rộng thì sử dụng tài chính càng tốt. Ngoài ra, kiến thức tài chính được giải thích bởi các nhân tố như sự hiểu biết về lãi suất, tín dụng, sử dụng tài chính, đầu tư, báo cáo tài chính. Trong khi đó, báo cáo của Olivia Mellan và cộng sự [4] lại cho kết quả ngược lại, điều này được lý giải bởi lẽ sự giáo dục về kiến thức tài chính ít có ảnh hưởng hiệu quả đối với các quốc gia, vùng miền có thu nhập còn thấp.

Thái độ tài chính: là một cách suy nghĩ, lập luận và đánh giá về tài chính [5]. Ngoài ra Perry và cộng sự [6] đã chứng minh sự tác động tích cực của thái độ tài chính đối với hành vi sử dụng tài chính cá nhân. Sự hợp lý của nghiên cứu cũng được chứng minh khi trùng khớp với lý thuyết hành vi xã hội và kết quả của ba nghiên cứu khác [7 - 9]. Tuy nhiên, nghiên cứu của Jorgensen và

cộng sự [9] chỉ ra thái độ tài chính có mối quan hệ tiêu cực với hành vi sử dụng tài chính.

Sức khỏe tài chính: là trạng thái khỏe mạnh, hạnh phúc và không phải lo lắng về tài chính và thường dựa trên đánh giá chủ quan về tình hình tài chính của bản thân [3]. Nghiên cứu chỉ ra rằng, sức khỏe tài chính có liên quan, cả trực tiếp và gián tiếp với các hành vi tài chính. Bên cạnh đó, hành vi quản lý tiền mặt, quản lý tín dụng và tiết kiệm hiệu quả có ảnh hưởng tích cực đến sức khỏe tài chính và ngược lại [2].

Xã hội hóa tài chính: được định nghĩa là quá trình mỗi cá nhân có được các tiêu chuẩn, giá trị, kỹ năng, kiến thức và thái độ cần thiết để trở thành người tiêu dùng thông thái [6]. Việc giáo dục về tài chính với con cái đã được chứng minh là có mối liên hệ tích cực với hành vi tài chính như lập ngân sách và quản lý tiền mặt, quản lý tín dụng, hành vi tiết kiệm, đầu tư và lập kế hoạch tài chính dài hạn của con cái [9]. Trong nghiên cứu của mình K. Kuraidova và cộng sự [10] chứng minh con cái cũng có xu hướng bắt chước theo những thói quen tài chính của cha mẹ.

Đại dịch COVID-19 đã gây ra những ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Vì thế, có thể khẳng định tài chính của mỗi cá nhân sẽ không tránh khỏi những tác động nhất định từ đại dịch này.

2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.1. Các nghiên cứu ngoài nước

Theo nghiên cứu "The impact of the coronavirus (COVID-19) crisis on development finance", 39.8% số người được khảo sát có số tiền tiết kiệm không đổi sau COVID-19; 51.57% người có số tiền tiết kiệm giảm từ dưới 10% đến trên 20%. Người dân cũng có xu hướng giữ tiền mặt nhiều hơn. Mặc dù vậy, COVID-19 cũng có tác động tích cực tới nhận thức của người dân về tầm quan trọng của tiết kiệm khi có thêm 13% số người được khảo sát tăng mức độ đánh giá về tầm quan trọng tiết kiệm. Trong nghiên cứu này, tác giả chưa đưa ra được khảo sát và những

lợi ích của việc tiết kiệm nhằm hợp lý hóa sử dụng tài chính trong bối cảnh đại dịch COVID-19 phức tạp như hiện nay [1].

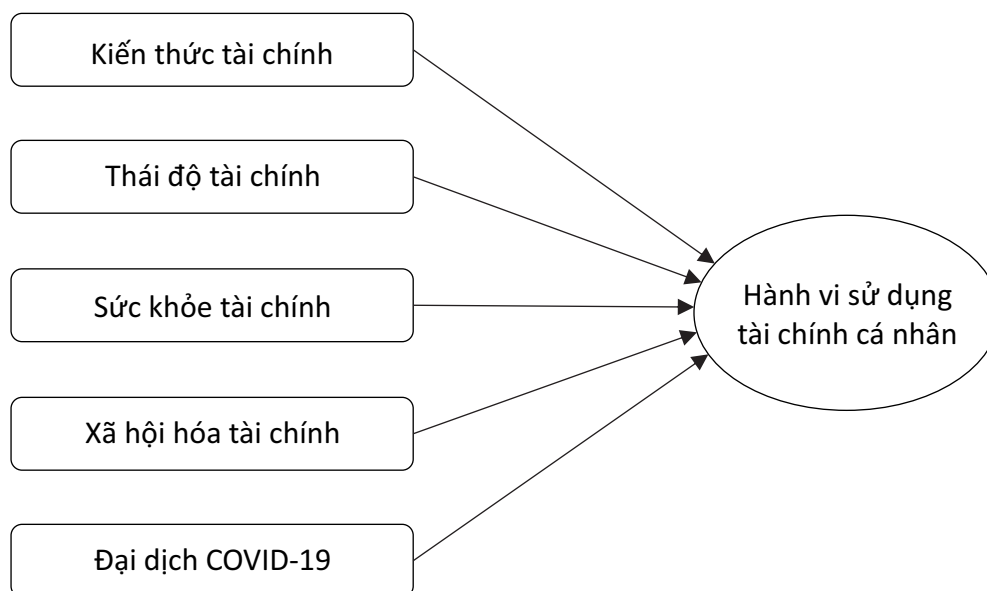
2.2.2. Các nghiên cứu trong nước

COVID-19 có tác động mạnh tới mức tiền đầu tư thường xuyên của cá nhân và các nhà đầu tư cũng có xu hướng tiêu cực, trong đó, 63.4% người tham gia khảo sát tin rằng, lợi nhuận đầu tư sẽ sụt giảm. Bên cạnh đó, nhóm nhà đầu tư cá nhân dưới 35 tuổi bị ảnh hưởng tiêu cực bởi COVID-19 cao hơn các nhóm tuổi khác. Đặc biệt, chứng khoán là lĩnh vực đầu tư được ưa chuộng trong giai đoạn này, với lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân trong nước mở mới chỉ trong tháng 3, 4, 5 năm 2020 lên đến con số 102,427 đơn vị. Nghiên cứu này, tác giả đã đánh giá được các xu hướng tích cực trong mức tiền đầu tư (chi tiêu). Tuy nhiên, các điểm hạn chế của nghiên cứu này là chưa đưa ra được đề xuất giải pháp nhằm đánh giá hành vi của người tiêu dùng trong thời kỳ đại dịch như hiện nay [11].

Nghiên cứu của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận rằng, đại dịch COVID-19 có ảnh hưởng tới hành vi tài chính thuộc tất cả các nhóm lứa tuổi, nghề nghiệp, giới tính. Những người có học vấn cao (sau đại học) có xu hướng giảm chi tiêu, tăng tiết kiệm và giảm đầu tư so với nhóm có trình độ học vấn thấp hơn. COVID-19 có tác động mạnh tới mức tiền đầu tư thường xuyên của cá nhân và các nhà đầu tư cũng có xu hướng tiêu cực, với 63.4% người tham gia khảo sát tin rằng, lợi nhuận đầu tư sẽ sụt giảm. Ngoài ra, nghiên cứu [1] đã khảo sát một nhóm 377 người trưởng thành ở Hoa Kỳ và thu được kết quả 66% người được khảo sát cho biết đã chi tiêu bằng hoặc ít hơn so với thời điểm chưa diễn ra đại dịch.

2.3. Mô hình đề xuất nghiên cứu

Dựa theo các nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước trước đây [2, 3, 7], tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu "Hành vi sử dụng tài chính cá nhân trong bối cảnh COVID-19" như sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Trên cơ sở tham khảo, kế thừa, phát triển và tổng hợp từ các nghiên cứu đi trước, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu với 5 nhân tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân như trình bày trong Hình 1.

Giả thiết nghiên cứu:

H₁: kiến thức tài chính có tác động cùng chiều đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân.

H₂: thái độ tài chính có tác động cùng chiều đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân.

H₃: sức khỏe tài chính có tác động cùng chiều đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân.

H₄: thói quen và giáo dục tài chính từ bố mẹ có tác động cùng chiều đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân.

H₅: đại dịch COVID-19 có tác động cùng chiều đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

2.4.1. Mẫu điều tra

Tổng thể nghiên cứu là những cá nhân hiện đang cư trú tại Việt Nam, chủ yếu ở các tỉnh, thành phía Nam, tập trung ở nhóm người từ thanh thiếu niên trở lên (từ 15 tuổi trở lên).

Trong phân tích thành phần chính (PCA), kích thước mẫu thường được xác định dựa vào “kích thước tối thiểu” và “số lượng biến đo lường đưa vào phân tích”. Số quan sát (cỡ mẫu) ít nhất phải bằng 4 đến 5 lần số biến trong phân tích PCA [12]. Trong nghiên cứu này, số lượng biến quan sát là 29 biến, do đó, kích thước mẫu tối thiểu là 145 quan sát, thỏa mãn yêu cầu của PCA. Tuy nhiên, do cỡ mẫu càng lớn thì sai số càng nhỏ, độ chính xác trong phân tích càng lớn, cùng với điều kiện về thời gian cũng như tài chính cho phép, tác giả chọn cỡ mẫu là 500 mẫu.

Trong số 500 bảng hỏi được điền, có 477 bảng

hợp lệ, đạt tỷ lệ 95.4%. Toàn bộ mẫu hợp lệ sẽ được xử lý thông qua phần mềm SPSS 22 để tiến hành các bước phân tích tiếp theo.

2.4.2. Thang đo

Thang đo của nghiên cứu được tham khảo từ các nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước trước đây [2, 3, 7] và có bổ sung thêm các biến quan sát theo ý kiến chuyên gia.

Các biến quan sát được đo lường bằng thang đo Likert 5 điểm, được quy định từ 1 (Hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (Hoàn toàn đồng ý).

2.4.3. Phân tích dữ liệu và kiểm định mô hình

Kiểm định độ tin cậy thang đo: trong nghiên cứu này, nghiên cứu sử dụng hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA để xác định các thành phần của từng nhân tố và tổng thể các nhân tố tác động chính tới hành vi sử dụng tài chính cá nhân.

Đánh giá tác động của biến độc lập tới biến phụ thuộc: mô hình hồi quy tuyến tính.

Kiểm định sự khác biệt về giá trị trung bình của một tổng thể: đánh giá qua phân tích Independent T-Test và phân tích phương sai một yếu tố (One-Way ANOVA).

Bảng 1. Bảng mã hóa thang đo

Nhân tố	Mã quan sát	Nội dung
Kiến thức tài chính (KT)	KT1	Bạn tự đánh giá kiến thức tài chính của bạn như nào: [1. Có kiến thức về tài chính tốt]
	KT2	Bạn tự đánh giá kiến thức tài chính của bạn như nào: [2. Biết cách đầu tư tiền của mình]
	KT3	Bạn tự đánh giá kiến thức tài chính của bạn như nào: [3. Hiểu rõ về số dư trong tài khoản của mình]
	KT4	Bạn tự đánh giá kiến thức tài chính của bạn như nào: [4. Biết về các loại lãi suất mà ngân hàng đưa ra]
Thái độ tài chính (TD)	TD1	Suy nghĩ đầu tiên khi có một số tiền lớn: [1. Chi cho mục đích cá nhân]
	TD2	Quan điểm của bạn về vay mượn tiền: [2. Tôi chỉ vay mượn trong những trường hợp thiết yếu]
	TD3	Quan điểm của bạn về vay mượn tiền: [3. Tôi sẽ cho vay nếu trả đúng hạn và với mức lãi tốt]
	TD4	Quan điểm về tiết kiệm: [4. Chỉ tiết kiệm khi có nhu cầu thiết yếu]

Xã hội hóa tài chính (XHH)	XHH1	Những thói quen sau là bạn học từ bố mẹ, người thân: [1. Tôi theo dõi chi phí hàng tháng]
	XHH2	Những thói quen sau là bạn học từ bố mẹ, người thân: [2. Tôi chỉ chi tiêu theo ngân sách]
	XHH3	Những thói quen sau là bạn học từ bố mẹ, người thân: [3. Tôi tiết kiệm tiền định kỳ]
	XHH4	Những thói quen sau là bạn học từ bố mẹ, người thân: [4. Tôi thường đầu tư cho các mục tiêu tài chính dài hạn]
	XHH5	Ba mẹ hướng dẫn bạn kiến thức tài chính bằng cách: [6. Thảo luận các vấn đề tài chính với tôi]
	XHH6	Ba mẹ hướng dẫn bạn kiến thức tài chính bằng cách: [7. Nói với tôi về tầm quan trọng của việc tiết kiệm]
	XHH7	Ba mẹ hướng dẫn bạn kiến thức tài chính bằng cách: [8. Dạy tôi trở thành người mua sắm thông minh]
	XHH8	Ba mẹ hướng dẫn bạn kiến thức tài chính bằng cách: [9. Hướng dẫn tôi sử dụng thẻ ATM hợp lý]
Sức khỏe tài chính (SK)	SK1	Nhận định sau có đúng với bạn không: [1. Tôi hài lòng về tài chính của mình]
	SK2	Nhận định sau có đúng với bạn không: [2. Tôi có thể đáp ứng các khoản chi tiêu bất ngờ]
	SK3	Nhận định sau có đúng với bạn không: [3. Tôi thường còn tiền vào cuối mỗi tháng]
Đại dịch COVID-19 (CV)	CV1	So với trước khi diễn ra đại dịch COVID-19 tôi nhận thấy: [1. Nhiều cơ hội đầu tư hấp dẫn hơn]
	CV2	So với trước khi diễn ra đại dịch COVID-19 tôi nhận thấy: [2. Lập các khoản dự phòng là cần thiết]
Hành vi quản lý tài chính cá nhân (H_V)	H_V1	Hành vi quản lý tiền mặt: [1. Tôi mất nhiều thời gian cân nhắc khi mua đồ]
	H_V2	Hành vi quản lý tiền mặt: [2. Tôi thanh toán hóa đơn đúng hạn]
	H_V3	Hành vi quản lý tiền mặt: [3. Tôi giữ hóa đơn chi phí hàng tháng]
	H_V4	Hành vi quản lý tiền mặt: [4. Tôi chi tiêu trong ngân sách]
	H_V5	Đối với việc quản lý tín dụng: [5. Tôi thanh toán các khoản vay đúng hạn]
	H_V6	Dự phòng các chi tiêu đột xuất: [6. Tôi dự phòng được một khoản nhỏ]
	H_V7	Đối với các khoản chi tiêu đột xuất: [7. Tôi đắn đo rất nhiều trước khi chi số tiền đó]
	H_V8	Đối với các khoản chi tiêu đột xuất: [8. Nếu đắt đỏ, hoặc không quan trọng thì sẽ cho qua]

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Mô tả mẫu nghiên cứu

Trong tổng số 477 người tham gia vào trả lời phiếu câu hỏi khảo sát, số lượng người có giới tính nữ chiếm 73%, trong khi đó nam giới chỉ

chiếm 27%. Hơn 1/2 số người được khảo sát có thu nhập dưới 3 triệu VNĐ/tháng (55%), và 34.4% số người có thu nhập từ 3 triệu đến 10 triệu VNĐ/tháng, còn lại là thu nhập trên 10 triệu đồng.

3.2. Kiểm định độ tin cậy bằng Cronbach's Alpha

Kết quả phân tích hệ số Cronbach's Alpha cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của nhân tố *Kiến thức tài chính* lần 1 = 0.779 > 0.6. Trong đó, hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến KT3 = 0.810 > 0.779. Nghiên cứu quyết định bỏ biến KT3 ra khỏi thang đo.

Nhân tố *Thái độ tài chính* được chạy kiểm định Cronbach's Alpha 3 lần để loại dần các biến quan

sát không hợp lệ. Do hệ số Cronbach's Alpha lần 3 của nhân tố *Thái độ tài chính* chỉ đạt 0.554 < 0.6 nên nghiên cứu quyết định loại thang đo này.

Hệ số Cronbach's Alpha của các biến *Xã hội hóa tài chính*, *Đại dịch COVID-19*, *Sức khỏe tài chính*, *Hành vi sử dụng tài chính cá nhân* đều > 0.7 và các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng > 0.3. Các biến này đều có thể sử dụng trong những phân tích tiếp theo.

Bảng 2. Đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha

TT	Biến	Ký hiệu	Hệ số Cronbach's Alpha
1	Kiến thức tài chính	KT	0.810
2	Xã hội hóa tài chính	XHH	0.809
3	Sức khỏe tài chính	SK	0.726
4	Đại dịch COVID-19	CV	0.706
5	Hành vi sử dụng tài chính cá nhân	H_V	0.832

3.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Tiêu chuẩn của phương pháp phân tích nhân tố là chỉ số KMO phải lớn hơn 0.5 [13] và kiểm định Bartlett's có mức ý nghĩa Sig. < 0.05 để chứng tỏ

dữ liệu dùng phân tích nhân tố là thích hợp và giữa các biến có tương quan với nhau. So với kết quả của Jorgensen và cộng sự [9] thì nghiên cứu này có kết quả 0.844 lớn hơn nghiên cứu trước.

Bảng 3. Kết quả kiểm định KMO và Bartlett's Test của các biến độc lập

Kiểm định KMO	0.844
Kiểm định Bartlett's	2,866.242
df	120
Sig.	0.000
Tổng phương sai trích	68.803%

Từ kết quả kiểm định KMO với trị số 0.844 > 0.5, nghiên cứu bước đầu kết luận các nhân tố này hoàn toàn thích hợp với tập dữ liệu nghiên cứu. Kết quả của kiểm định Bartlett's là 2,866.242 có Sig. = 0.000 cũng khẳng định các biến quan sát

có tương quan với nhau, đồng thời quá trình phân tích nhân tố với các dữ liệu là hợp lý.

Giá trị tổng phương sai trích của các biến độc lập là 68.803% (> 50%) chỉ ra mô hình nghiên cứu phù hợp với kiểm định EFA.

Bảng 4. Kết quả ma trận xoay

	Nhân tố				
	1	2	3	4	5
KT1		0.789			
KT2		0.816			
KT4		0.785			
XHH1			0.762		
XHH2			0.743		
XHH3			0.716		
XHH4			0.527		
XHH5	0.743				
XHH6	0.752				
XHH7	0.842				
XHH8	0.778				
SK1				0.767	
SK2				0.798	
SK3				0.682	
CV1					0.702
CV2					0.865

Các hệ số tải nhân tố đều lớn hơn 0.5 và không có trường hợp biến nào cùng lúc tải lên cả hai nhân tố với hệ số tải gần nhau.

Tuy nhiên, theo kết quả ma trận xoay, nhân tố XHH được tách thành 2 nhóm nhân tố mới. Nhóm mới thứ nhất gồm: XHH1, XHH2, XHH3, XHH4. Nhóm mới thứ hai gồm: XHH5, XHH6, XHH7, XHH8. Kết hợp với cơ sở lý thuyết, nội

dung câu hỏi của các biến quan sát thuộc nhân tố XHH, nghiên cứu thống nhất đặt tên cho nhóm mới thứ nhất là: Thói quen tài chính từ bố mẹ (TQ), nhóm mới thứ hai là: Giáo dục tài chính từ bố mẹ (GD).

Sau phân tích rút trích nhân tố EFA, từ 21 biến đã giảm xuống còn 16 biến, sau đó đã tách thành 5 nhân tố như sau:

Bảng 5. Kết quả phân tích rút trích nhân tố EFA

Nhân tố	Các biến quan sát
Kiến thức tài chính (KT)	KT1, KT2, KT4
Thói quen tài chính từ bố mẹ (TQ)	XHH1, XHH2, XHH3, XHH4
Giáo dục tài chính từ bố mẹ (GD)	XHH5, XHH6, XHH7, XHH8
Sức khỏe tài chính (SK)	SK1, SK2, SK3
Đại dịch COVID-19 (CV)	CV1, CV2

Như vậy, biến XHH đã bị tách thành 2 biến mới là biến TQ và GD. Điều này dẫn tới việc giả thuyết 4 sẽ được tách thành 2 giả thuyết mới là giả thuyết 4.1 và 4.2, như sau:

- $H_{4.1}$: “Thói quen tài chính từ bố mẹ có tác động thuận chiều (+) đến hành vi sử dụng tài chính”.
- $H_{4.2}$: “Giáo dục tài chính từ bố mẹ có tác động thuận chiều (+) đến hành vi sử dụng tài chính”.

3.4. Kết quả phân tích hồi quy và kiểm định giả thuyết

Biến Kiến thức tài chính (KT) có giá trị Sig. < 0.05

nên biến này không có ý nghĩa thống kê, không thể giải thích cho biến phụ thuộc H_V trong mô hình nghiên cứu này.

Biến Đại dịch COVID-19 (CV) có hệ số β cao nhất. Có thể nhận xét rằng, nhân tố này có mức độ ảnh hưởng tới biến phụ thuộc Hành vi sử dụng tài chính cá nhân (H_V) cao hơn các nhân tố khác.

Theo Bảng 7, hệ số VIF của tất cả 5 nhân tố đều < 2, suy ra không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập.

Bảng 6. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính các nhân tố tác động tới hành vi sử dụng tài chính cá nhân

Model	R	Hệ số R bình phương	Hệ số R bình phương hiệu chỉnh	Sai số tiêu chuẩn	Durbin - Watson
1	0.670 ^a	0.449	0.443	0.568639	1.930

Hệ số R^2 (R-Square) là 0.449 - biến kiểm soát và biến độc lập giải thích được 44.9% sự biến thiên của biến phụ thuộc.

Bảng 7. Kết quả phân tích hệ số hồi quy

Model B		Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sig. Độ chấp nhận	Thống kê đa cộng tuyến	
		Sai số chuẩn	Beta				Hệ số phóng đại phương sai	
1	(Constant)	0.995	0.136		7.292	0.000		
	KT	0.016	0.034	0.019	0.468	0.640	0.699	1.432
	SK	0.105	0.035	0.124	3.052	0.002	0.715	1.399
	CV	0.337	0.032	0.397	10.403	0.000	0.802	1.247
	TQ	0.208	0.036	0.244	5.727	0.000	0.646	1.549
	GD	0.109	0.030	0.140	3.650	0.000	0.790	1.266

3.5. Kết quả kiểm định sự khác biệt của các biến nhân khẩu học tới hành vi sử dụng tài chính cá nhân

3.5.1. Theo giới tính

Để kiểm định sự khác biệt theo giới tính trong

hành vi sử dụng tài chính cá nhân, nghiên cứu sử dụng phân tích bằng kiểm định T với hai biến độc lập. Kết quả phân tích từ dữ liệu thu được như Bảng 8. Nhìn vào Bảng 8, kiểm định Levene

cho P-value lớn hơn 0.05, chứng tỏ phương sai giữa hai nhóm đối tượng giới tính nam và nữ đồng nhất với nhau. Kết quả mức ý nghĩa tương ứng với

giả định phương sai bằng nhau là $0.524 > 0.05$. Vì vậy, không có sự khác biệt về hành vi sử dụng tài chính cá nhân giữa nam và nữ.

Bảng 8. Kết quả phân tích sự khác biệt theo giới tính

	Kiểm định Levene		Kiểm định T			
	F	Mức ý nghĩa	T	df	Mức ý nghĩa	Sự khác nhau trung bình
Giả định phương sai bằng nhau	0.259	0.611	-0.638	475	0.524	-0.050343
Giả định phương sai không bằng nhau			-0.619	211.902	0.536	-0.050343

3.5.2. Theo nghề nghiệp

Để kiểm định sự khác biệt về tình trạng nghề nghiệp tới hành vi, nhóm sử dụng phân tích bằng ANOVA một chiều. Kết quả phân tích từ dữ liệu

thu được. Kiểm định Levene cho P-value lớn hơn 0.05, chứng tỏ phương sai các nhóm giá trị là đồng nhất nên sử dụng kết quả Bảng ANOVA (Bảng 9).

Bảng 9. Phân tích ANOVA một chiều

Kiểm tra tính đồng nhất của các phương sai					
		Thống kê Levene	df1	df2	Mức ý nghĩa
H_V	Trung bình	2.204	2	474	0.112

Bảng 10. Kết quả phân tích sự khác biệt theo tình trạng nghề nghiệp

	Tổng bình phương	df	Bình phương trung bình	F	Mức ý nghĩa
Giữa các nhóm	3.751	2	1.876	3.263	0.039
Trong cùng nhóm	272.429	474	0.575		

Mức ý nghĩa = $0.039 < 0.05$, suy ra có sự khác biệt thống kê về điểm trung bình, những người

có tình trạng nghề nghiệp khác nhau có hành vi sử dụng tài chính khác nhau.

Bảng 11. Thống kê mô tả

	N	Trung bình	Phương sai	Sai số chuẩn
Đang đi học	391	3.56554	0.772149	0.039049
Đã đi làm	71	3.58979	0.727699	0.086362
Thất nghiệp	15	4.07500	0.450198	0.116241
Tổng	477	3.58517	0.761716	0.034877

Cột giá trị Mean tăng dần cho thấy người đã đi làm sẽ sử dụng tài chính cá nhân chặt chẽ hơn người đang đi học, người thất nghiệp có hành vi sử dụng tài chính chặt chẽ hơn những người đang đi làm.

3.5.3. Kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Từ các phân tích trên, nghiên cứu đã đưa ra được tổng hợp kết quả kiểm định các giả thuyết sau đây:

Bảng 12. Kết quả kiểm định các giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết	Nội dung	Kết quả
H ₁	Kiến thức tài chính có tác động cùng chiều đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân	Bác bỏ
H ₂	Thái độ tài chính có tác động cùng chiều đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân	Không có ý nghĩa thống kê tại Việt Nam
H ₃	Sức khỏe tài chính có tác động cùng chiều đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân	Chấp nhận
H _{4.1}	Thói quen tài chính từ bố mẹ có tác động cùng chiều đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân	Chấp nhận
H _{4.2}	Giáo dục tài chính từ bố mẹ có tác động cùng chiều đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân	Chấp nhận
H ₅	Đại dịch COVID-19 có tác động cùng chiều đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân	Chấp nhận

Mô hình hồi quy mẫu được viết lại như sau:

$$H_V = 1 + 0.337*CV + 0.109*GD + 0.208*TQ + 0.105*SK$$

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

4.1. Kết luận

Với trường hợp thực nghiệm về hành vi sử dụng tài chính của người Việt Nam, các phát hiện chính là: (i) đại dịch COVID-19 là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân, tiếp theo là thói quen tài chính từ bố mẹ, sự giáo dục tài chính từ bố mẹ và sức khỏe tài chính; (ii) kiến thức tài chính được cho là không có tác động đến hành vi sử dụng tài chính; (iii) có sự khác biệt về hành vi sử dụng tài chính giữa những nhóm người có tình trạng nghề nghiệp khác nhau; (iv) không có sự khác biệt về hành vi sử dụng tài chính giữa nam và nữ.

4.2. Đề xuất

Để nâng cao hành vi sử dụng tài chính cá nhân của người Việt Nam, các nhà hoạch định chính sách và các cơ quan chức năng cần:

Thứ nhất, đại dịch COVID-19 có tác động cùng chiều đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân, do vậy, các ngân hàng Nhà nước phối hợp với các ngân hàng thương mại điều phối, quản lý dòng vốn đầu tư hợp lý trong đại dịch COVID-19.

Thứ hai, thói quen tài chính từ bố mẹ có tác động cùng chiều đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân chính vì vậy cần đưa giáo dục tài chính trở thành một chương trình chính thức trong các trường học để học sinh sớm tiếp cận với lĩnh vực này.

Thứ ba, giáo dục tài chính từ bố mẹ có tác động cùng chiều đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân, chính vì vậy các gia đình nên chú trọng giáo dục tài chính cho con cái.

Thứ tư, sức khỏe tài chính có tác động cùng chiều đến hành vi sử dụng tài chính cá nhân, chính vì vậy hành vi tiêu dùng của từng cá nhân của người Việt Nam cần siết chặt hơn, mức độ chi tiêu, số tiền chi tiêu cần phải tính toán thật kỹ trước khi quyết định chi tiêu hoặc đầu tư đặc biệt trong giai đoạn COVID-19 như hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] OECD, *The impact of the coronavirus (COVID-19) crisis on development finance*, 2020.

[2] Xiao, J. J., Dew, J., (2011), "The financial management behavior scale: development and

validation", *Journal of Financial Counseling and Planning*, 22(1): 49 - 53, 2011.

[3] Woodyard, A. & Robb, C., "Financial Knowledge and the Gender Gap", *Journal of*

financial AI therapy, Vol.3, Issue 1, 2012.

[4] Olivia Mellan và Sherry Christie, *Money Harmony: A Road Map for Individuals and Couples*, 2014.

[5] Webley, P., & Nyhus, E. K., *Economic socialization, saving and assets in European young adults*, 2012.

[6] Perry, V.G., Morris, M.D., "Who is control? The role of self-perception, knowledge, and income in explaining consumer financial behavior", *Journal of Consumer Affairs*, 39(2): 299 - 312, 2005.

[7] Shim, S., Xiao, J. J., Barber, B., & Lyons, A., "Pathways to life success: A conceptual model of financial well-being for young adults", *Journal of Applied Developmental Psychology*, 30, 708 - 723, 2009.

[8] Allen, M. W., *Consumer finance and parent-child communication*. In J. J. Xiao (Ed.), *Handbook of consumer finance research* (pp. 351 - 361). New York, NY: Springer., 2008.

[9] Jorgensen, B. L., & Savla, J. , "Financial literacy of young adults: The importance of parental socialization". *Family Relations*, 59(4), 465 - 478, 2010.

[10] J. T.-P. Klaudia Kurajdova, "Literature Review on Factors Influencing Milk Purchase Behaviour", *International Review of Management and Marketing*, Vol. 5, No. 1, 2015, pp.9-25, 2015.

[11] CFPD, *Measuring financial well-being*, 2015.

[12] H. Trọng & C. N. M. Ngọc, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nhà xuất bản Thống kê, 2005.

[13] H. Trọng & C. N. M. Ngọc, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập 1*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2008.

[14] D. Trần Đoàn, *Tiếp Thị Cơ Bản*, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, 2004.

[15] N. V. Dự, "Xác định những nhân tố có ảnh hưởng quan trọng đến việc chọn lựa rau sạch của người tiêu dùng ở TP. Hồ Chí Minh", Luận văn Thạc sĩ Trường Đại học Kinh tế Thành phố

Hồ Chí Minh, Việt Nam, 2007.

[16] T. M. Đức, "Nghiên cứu hành vi người tiêu dùng về dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng di động băng rộng 3G và một số giải pháp hoàn thiện chiến lược Marketing công ty Vinaphone", Luận văn thạc sĩ Học viện Bưu chính Viễn thông Hà Nội, 2013.

[17] N. T. Hoài, *Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright*, 2005.

[18] N. V. Ngãi, *Thông Tin Không Cân Xứng*, Kinh Tế Vi Mô: Trường Đại học Nông Lâm, 2007.

[19] P. V. Thành, "Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng quần áo thời trang công sở khu vực Đà Nẵng", Luận văn Thạc sĩ Trường đại học Đà Nẵng, 2011.

[20] N. Đ. Thọ, *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nhà xuất bản Tài chính, 2011.

[21] I. Aijen, *The theory of planned behavior, Organizational Behaviour and Human Decision Processes*, 50, 179-211, 1991.

[22] I. Ajzen, *Residual effects of past on later behavior: Habituation and reasoned action perspectives*, *Personality and Social Psychology Review*, 6, 107-122, 2002.

[23] M. A. I. Fishbein, *Belief, attitude, intention, and behavior: An introduction to theory research*, Dons Mills: Addison-Wesley, 1975.

[24] Philip Kotler, *Bàn Về Tiếp Thị*, Nhà xuất bản Trẻ, 2010.

[25] N. & B. P. Chamhuri, *Factors influencing consumers' choice of retail stores for fresh meat in Malaysia*, Malaysia, 207.

[26] H. Trọng và C. N. M. Ngọc, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập 2*. Hà Nội: NXB Hồng Đức, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, 2008.

[27] Mien, N. T. N., & Thao, T. P., "Factors Affecting Personal Financial Management Behaviors: Evidence from Vietnam, Proceedings of the Second Asia-Pacific Conference on Global Business, Economics", *Finance and Social Sciences*, ISBN: 978-1-63415-833-6, 10 - 12, 2015.

Personal finance behavior in the context of COVID-19: A field study in Vietnam

Trinh Hoang Son

ABSTRACT

The article aims to evaluate the factors affecting the behavior of Vietnamese people in using personal finance during the COVID-19 pandemic. The author uses research methods: Cronbach's Alpha test and EFA exploratory factor analysis, Pearson correlation analysis and linear regression model. The main findings are: the level of impact of factors on personal finance use behavior in Vietnam ranked from strongest to weakest are: (i) COVID-19 pandemic; (ii) financial habits from parents; (iii) financial education from parents; (iv) financial health. In particular, instead of completely inheriting the socialization factor, the research has developed two factors: financial education from parents and financial habits from parents. From there, the article makes some suggestions to help improve personal financial capacity in Vietnam. Collected data and processed by SPSS 22 software, with the combination of qualitative and quantitative methods, the author has obtained some positive results such as: the scales used for the research are satisfactory. Demand, the appropriate theoretical model is clearly shown through the successful construction of a linear regression model, the independent factors have a positive influence with the behavioral factor using finance.

Keywords: COVID-19 pandemic, financial behavior, financial habits

Received: 11/09/2021

Revised: 22/10/2021

Accepted for publication: 11/11/2021